

NỘI DUNG ÔN TẬP HỌC KÌ I

I. NỘI DUNG KIẾN THỨC

Bài/ chủ đề	Đơn vị kiến thức	Nội dung
Thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng	1. Thế giới quan và phương pháp luận.	<p>1. Thế giới quan và phương pháp luận.</p> <p><i>a) Vai trò thế giới quan và phương pháp luận của Triết học</i> + Khái niệm triết học: Triết học là hệ thống các quan điểm lý luận chung nhất về thế giới và vị trí của con người trong thế giới đó.</p> <p><i>b) Thế giới quan duy vật và thế giới quan duy tâm</i> Thế giới quan: Là toàn bộ những quan điểm và niềm tin định hướng hoạt động của con người trong cuộc sống. <i>Tùy theo cách trả lời mặt thứ nhất VĐCB của TH mà các hệ thống TGQ được xem là duy vật hay duy tâm.</i> + TGQDV : Giữa VC và ý thức thì VC là cái có trước, cái quyết định ý thức. TGVC tồn tại khách quan, độc lập với ý thức con người, không ai sáng tạo ra và không ai có thể tiêu diệt được + TGQDT : ý thức là cái có trước, cái sản sinh ra GTN.</p> <p><i>c) Phương pháp luận biện chứng và phương pháp luận siêu hình.</i></p> <p>* Phương pháp và phương pháp luận - Phương pháp là cách thức đạt được mục đích đặt ra. - Phương pháp luận: Là học thuyết về phương pháp nhận thức khoa học và cải tạo thế giới.</p> <p>* Phương pháp luận biện chứng và phương pháp luận siêu hình - <i>Phương pháp luận biện chứng</i> : xem xét sự vật, hiện tượng trong sự giằng buộc lẫn nhau giữa chúng, trong sự vận động, phát triển không ngừng của chúng. - <i>Phương pháp luận siêu hình</i>: Xem xét sự vật, hiện tượng một cách phiến diện, chỉ thấy chúng tồn tại trong trạng thái cô lập, không vận động, không phát triển, áp dụng máy móc đặc tính của sự vật này vào sự vật khác. <i>PPLBC phản ánh đúng bản chất vốn có của SV, giúp con người nhận thức đúng và hành động đúng.</i></p>
Sự vận động và phát triển của thế giới vật chất	2. Sự vận động và phát triển của TGVC	<p>1. Thế giới vật chất luôn luôn vận động</p> <p><i>a) Thế nào là vận động.</i> Vận động là mọi sự biến đổi (biến hoá) nói chung của các sự vật và hiện tượng trong giới tự nhiên và đời sống xã hội.</p> <p><i>b) Vận động là phương thức tồn tại của thế giới vật chất.</i> Vận động là thuộc tính vốn có, là phương thức tồn tại của các sự vật, hiện tượng vật chất.</p> <p>* Bài học: Khi xem xét sv, ht phải xem xét chúng ở trạng thái vận động, không ngừng biến đổi, tránh quan niệm cứng nhắc, bất biến</p> <p>2. Thế giới vật chất luôn luôn phát triển.</p> <p><i>a) Thế nào là phát triển.</i> Phát triển là khái niệm dùng để khái quát những vận động theo chiều hướng tiến lên từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp, từ kém hoàn</p>

	<p>thiện đến hoàn thiện hơn. Cái mới ra đời thay thế cái cũ, cái tiến bộ thay thế cái lạc hậu...</p> <p>- Sự phát triển diễn ra phổ biến ở tất cả các lĩnh vực của tự nhiên, xã hội và tư duy</p> <p>* Bài học:</p> <p>Khi xem xét một sv,ht hoặc đánh giá một con người, cần phát hiện ra những nét mới, ủng hộ cái tiến bộ, tránh thái độ thành kiến, bảo thủ.</p>
<p>3. Nguồn gốc vận động, phát triển của SV và HT</p>	<p>1. Thế nào là mâu thuẫn</p> <p>Mâu thuẫn là một chỉnh thể, trong đó hai mặt đối lập vừa thống nhất với nhau, vừa đấu tranh với nhau.</p> <p>a) Mặt đối lập của mâu thuẫn</p> <p>Là những khuynh hướng, tính chất, đặc điểm... mà trong quá trình vận động, phát triển của sự và hiện tượng, chúng phát triển theo những chiều hướng trái ngược nhau.</p> <p>b) Sự thống nhất giữa các mặt đối lập</p> <p>Trong mỗi mâu thuẫn, hai mặt đối lập liên hệ gắn bó với nhau, làm tiền đề tồn tại cho nhau -> sự thống nhất giữa các mặt đối lập .</p> <p>c) Sự đấu tranh giữa các mặt đối lập</p> <p>Sự tác động, bài trừ, gạt bỏ nhau giữa các mặt đối lập -> sự đấu tranh giữa các mặt đối lập.</p> <p>2. Mâu thuẫn là nguồn gốc vận động, phát triển của sự vật, hiện tượng</p> <p>a) Giải quyết mâu thuẫn</p> <p>Sự đấu tranh giữa các mặt đối lập là nguồn gốc vận động, phát triển của sự vật, hiện tượng</p> <p>b) Mâu thuẫn chỉ được giải quyết bằng đấu tranh</p> <p>Mâu thuẫn chỉ được giải quyết bằng sự đấu tranh giữa các mặt đối lập chứ không phải bằng con đường điều hòa mâu thuẫn</p> <p>* Bài học lí luận:</p> <p>Để giải quyết mâu thuẫn phải có phương pháp đúng, phải phân tích mâu thuẫn trong tình hình cụ thể; phân tích điểm mạnh, điểm yếu của từng mặt đối lập, mối quan hệ giữa các mặt đối lập.</p> <p>* Bài học thực tiễn:</p> <p>- Trong học tập, nghiên cứu phải biết phân biệt đúng, sai, cái tiến bộ, cái lạc hậu để nâng cao nhận thức, phát triển nhân cách. Biết đấu tranh phê bình và tự phê bình.</p> <p>- Tránh tư tưởng “dung hòa mâu thuẫn, dĩ hòa vi quý”.</p>
<p>4. Cách thức vận động, phát triển của SV và HT</p>	<p>1. Chất</p> <p>Khái niệm chất dùng để chỉ những thuộc tính cơ bản, vốn có của SV, HT, tiêu biểu cho SV, HT đó, phân biệt nó với các SV, HT khác.</p> <p>VD:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Muối ăn có vị mặn - Đường ăn có vị ngọt <p>2. Lượng</p> <p>Khái niệm lượng dùng để chỉ thuộc tính vốn có của SV, HT biểu thị trình độ phát triển (cao, thấp), quy mô (lớn, nhỏ), tốc độ vận động (nhanh, chậm), số lượng (ít, nhiều)... của sự vật hiện tượng.</p>

		<p>VD:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lớp 10A1 Có 45 HS - Ô tô chạy với vận tốc 40 km/giờ <p>3. Quan hệ giữa sự biến đổi về lượng và sự biến đổi về chất.</p> <p>a) Sự biến đổi về lượng dẫn đến sự biến đổi về chất</p> <p>Cách thức biến đổi của lượng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lượng biến đổi trước - Lượng biến đổi dần dần, từ từ (theo chiều tăng hoặc giảm) - Quá trình biến đổi dần dần từ từ của lượng đều có ảnh hưởng đến trạng thái chất của SV, HT, nhưng chất của SV, HT chưa biến đổi ngay - Độ là giới hạn mà trong đó sự biến đổi về lượng chưa làm thay đổi về chất của SV, HT. - Điểm nút là điểm giới hạn mà tại đó sự biến đổi của lượng làm thay đổi chất của SV, HT. <p>b) Chất mới ra đời bao hàm một lượng mới.</p> <p>Cách thức biến đổi của chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất biến đổi sau. - Chất biến đổi nhanh chóng (đột biến). - Chất mới ra đời thay thế chất cũ và khi chất mới ra đời lại hình thành một lượng mới phù hợp tạo thành sự thống nhất giữa chất và lượng.
	<p>5. Khuynh hướng phát triển của SV và HT</p>	<p>1. Phủ định biện chứng và phủ định siêu hình</p> <p>Phủ định là xoá bỏ sự tồn tại của một SV, HT nào đó.</p> <p>a) Phủ định siêu hình:</p> <p>Là sự phủ định được diễn ra do sự can thiệp, sự tác động từ bên ngoài, cản trở hoặc xoá bỏ sự tồn tại và phát triển tự nhiên của sự vật.</p> <p>b) Phủ định biện chứng:</p> <p>Là sự phủ định được diễn ra do sự phát triển của bản thân SV, HT, có kế thừa những yếu tố tích cực của SV, HT cũ để phát triển sự vật hiện tượng mới.</p>

<p>Bài 7: <i>Thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức</i></p>	<p>1. Thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức</p>	<p>1. Thế nào là nhận thức? - Nhận thức là quá trình phản ánh sự vật, hiện tượng của thế giới khách quan vào bộ óc con người để tạo nên những hiểu biết của chúng.</p> <p>b. Hai giai đoạn của quá trình nhận thức.</p> <p>2. Thực tiễn là gì Thực tiễn là toàn bộ những hoạt động vật chất có tính mục đích, mang tính lịch sử xã hội của con người nhằm cải tạo tự nhiên và xã hội.</p> <p>3. Vai trò của thực tiễn đối với nhận thức</p> <p>a. Thực tiễn là cơ sở của nhận thức. - Mọi nhận thức của con người dù gián tiếp hoặc trực tiếp đều bắt nguồn từ thực tiễn. Nhờ có sự tiếp xúc, tác động vào SVHT mà con người phát hiện ra các thuộc tính, hiểu được bản chất quy luật của chúng.</p> <p>b. Thực tiễn là động lực của nhận thức. - Vì thực tiễn luôn luôn vận động, luôn đặt ra yêu cầu nhiệm vụ mới, tạo tiền đề vật chất thúc đẩy nhận thức phát triển.</p> <p>c. Thực tiễn là mục đích của nhận thức. - Các tri thức khoa học chỉ có giá trị khi nó được vận dụng vào thực tiễn. Mục đích cuối cùng của nhận thức là cải tạo hiện thực khách quan, đáp ứng nhu cầu vật chất và tinh thần của con người</p> <p>d. Thực tiễn là tiêu chuẩn của chân lý. - Chỉ có đem những tri thức thu nhận được ra kiểm nghiệm qua thực tiễn mới đánh giá được tính đúng đắn hay sai lầm của chúng. - Việc vận dụng tri thức vào thực tiễn còn có tác dụng bổ sung và hoàn thiện tri thức chưa đầy đủ.</p>
<p>Bài 9: <i>Con người là chủ thể của lịch sử, là mục tiêu phát triển của xã hội</i></p>	<p>1. Con người là chủ thể của lịch sử, là mục tiêu phát triển của xã hội</p>	<p>1. Con người là chủ thể của lịch sử. (Học sinh tự học)</p> <p>2. Con người là mục tiêu của sự phát triển xã hội</p> <p>a. Vì sao nói con người là mục tiêu phát triển xã hội. - Con người là chủ thể của lịch sử nên con người cần phải được tôn trọng, cần phải được đảm bảo quyền chính đáng của mình, phải là mục tiêu phát triển của mọi tiến bộ xã hội. Bởi mục đích của mọi sự tiến bộ xã hội suy đến cùng là vì hạnh phúc của con người.</p> <p>b. Chủ nghĩa xã hội với sự phát triển toàn diện của con người (Học sinh tự học)</p>

II. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

TT	Nội dung kiến thức	Trắc nghiệm	Tự luận
----	--------------------	-------------	---------

		NB	TH	
1	Thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng	3	1	1**
2	Sự vận động và phát triển của thế giới vật chất	2	1	
3	Nguồn gốc vận động và phát triển của sự vật, hiện tượng	2	1	
4	Cách thức vận động và phát triển của sự vật, hiện tượng	2	1	
5	Khuynh hướng phát triển của sự vật, hiện tượng	2	2	
6	Thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức	4	4	1*
7	Con người là chủ thể của lịch sử, là mục tiêu phát triển của xã hội	1	2	
	Tổng	16	12	2

III. ĐỀ MINH HỌA

I. TRẮC NGHIỆM: (7điểm = 28 câu)

Câu 1. Hệ thống các quan điểm lí luận chung nhất về thế giới và vị trí của con người trong thế giới đó là nội dung của khái niệm nào sau đây ?

- A. Triết học. B. Triết lý. C. Văn học. D. Xã hội học.

Câu 2. Quan điểm nào sau đây thể hiện phương pháp luận biện chứng?

- A. “Không ai tắm hai lần trên cùng một dòng sông”.
 B. Cơ thể con người giống như các bộ phận của một cỗ máy.
 C. Con voi sừng sừng như cái cột đình.
 D. Phụ nữ luôn luôn kém thông minh hơn đàn ông.

Câu 3. Quan điểm nào sau đây **không phải** là biểu hiện của thế giới quan duy tâm?

- A. Chữa bệnh theo hướng dẫn của bác sĩ. B. Chữa bệnh bằng bùa phép.
 C. Tin một cách mù quáng vào bói toán. D. Mời thầy cúng về đuổi ma.

Câu 4. Toàn bộ những quan điểm và niềm tin định hướng hoạt động của con người trong cuộc sống gọi là

- A. quan niệm sống của con người. B. cách sống của con người.
 C. thế giới quan. D. lối sống của con người.

Câu 5. Triết học Mác - Lê nin quan niệm vận động là

- A. kết quả tác động từ bên ngoài vào sự vật, hiện tượng.
 B. sự thay đổi vị trí của các vật.
 C. cách thức tồn tại của vật chất.
 D. mọi sự biến đổi nói chung của sự vật, hiện tượng.

Câu 6. Những vận động theo chiều hướng tiến lên, cái mới ra đời thay thế cái cũ, cái tiên bộ thay thế cái lạc hậu, là nội dung khái niệm

- A. phát triển.
 B. vận động.
 C. mâu thuẫn.
 D. đấu tranh.

Câu 7. Câu tục ngữ nào dưới đây **không** thể hiện sự phát triển?

- A. góp gió thành bão.
- B. Kiên tha lâu đầy tổ.
- C. Tre già măng mọc.
- D. Đánh bòn sang ao.

Câu 8. Để phân biệt sự vật hiện tượng này với các sự vật hiện tượng khác, cần căn cứ vào yếu tố nào dưới đây?

- A. Lượng.
- B. Chất.
- C. Độ.
- D. Điểm nút.

Câu 9. Mâu thuẫn là một chỉnh thể, trong đó có

- A. hai mặt đối lập.
- B. ba mặt đối lập.
- C. bốn mặt đối lập.
- D. nhiều mặt đối lập.

Câu 10. Hai mặt đối lập vận động và phát triển theo những chiều hướng trái ngược nhau, nên chúng luôn tác động, bài trừ, gạt bỏ nhau, Triết học gọi đó là

- A. sự đấu tranh giữa các mặt đối lập.
- B. sự tồn tại giữa các mặt đối lập.
- C. sự phủ định giữa các mặt đối lập.
- D. sự phát triển giữa các mặt đối lập.

Câu 11. Theo quan điểm Triết học, mâu thuẫn chỉ được giải quyết bằng

- A. sự chuyển hóa giữa các mặt đối lập.
- B. sự phủ định giữa các mặt đối lập.
- C. sự đấu tranh giữa các mặt đối lập.
- D. sự điều hòa giữa các mặt đối lập.

Câu 12. Nội dung nào dưới đây **không** đúng về mâu thuẫn trong Triết học?

- A. Bất kỳ mặt đối lập nào cũng tạo thành mâu thuẫn.
- B. Mâu thuẫn chỉ được giải quyết bằng sự đấu tranh giữa các mặt đối lập.
- C. Các mặt đối lập của mâu thuẫn vừa thống nhất với nhau, vừa đấu tranh với nhau.
- D. Mâu thuẫn là một chỉnh thể, trong đó có hai mặt đối lập.

Câu 13. Trong Triết học, điểm nút là điểm giới hạn mà tại đó

- A. các sự vật thay đổi.
- B. sự vật và hiện tượng thay đổi về chất.
- C. lượng mới ra đời.
- D. sự vật mới hình thành và phát triển.

Câu 14. Biểu hiện nào dưới đây chỉ ra cách làm thay đổi chất của sự vật, hiện tượng?

- A. Liên tục thực hiện các bước nhảy.
- B. Kiên trì tích lũy về lượng đến một mức cần thiết.
- C. Bổ sung cho chất những nhân tố mới.
- D. thực hiện các hình thức vận động.

Câu 15. Quan điểm nào dưới đây **không** phản ánh đúng mối quan hệ biện chứng giữa lượng và chất?

- A. Lượng đổi làm cho chất đổi.
- B. Mỗi chất lại có một lượng tương ứng.
- C. Chất và lượng là hai mặt thống nhất trong một sự vật.

D. Chất mới ra đời giữ nguyên lượng cũ.

Câu 16. Phủ định siêu hình là sự phủ định diễn ra do

A. sự phát triển của sự vật hiện tượng.

B. sự tác động từ bên ngoài.

C. sự tác động từ bên trong.

D. sự biến đổi về chất của sự vật hiện tượng.

Câu 17. Sự phủ định diễn ra do sự phát triển của bản thân sự vật và hiện tượng, có kế thừa những yếu tố tích cực của sự vật, hiện tượng là phủ định

A. biện chứng.

B. siêu hình.

C. khách quan.

D. chủ quan.

Câu 18. Biểu hiện nào dưới đây không phải là phủ định biện chứng

A. Xã hội tư bản chủ nghĩa thay thế xã hội phong kiến.

B. Các giống loài mới thay thế các giống loại cũ.

C. Con người dùng nhiều hóa chất tiêu diệt sinh vật.

D. Học sinh đổi mới phương pháp học tập

Câu 19. Em đồng ý với ý kiến nào sau đây?

A. Nhận thức là quá trình phức tạp, trải qua hai giai đoạn: Nhận thức cảm tính và nhận thức lý tính.

B. Nhận thức là quá trình phức tạp, trải qua các giai đoạn: Cảm giác, tri giác và biểu tượng để có hiểu biết về sự vật.

C. Nhận thức là sự nhận biết của con người về sự vật.

D. Nhận thức là do chúa tạo ra.

Câu 20. Ý kiến nào dưới đây đúng khi nói về thực tiễn?

A. Thực tiễn là toàn bộ hoạt động tinh thần.

B. Thực tiễn là toàn bộ hoạt động vật chất.

C. Thực tiễn là toàn bộ những hoạt động lao động.

D. Thực tiễn chỉ là những hoạt động khách quan.

Câu 21. Câu nào dưới đây **không thể hiện** vai trò của thực tiễn đối với nhận thức?

A. Éch kêu uôm uôm, ao chuôm đầy nước.

B. Sao dày thì mưa, sao thưa thì nắng.

C. Tháng bảy heo may chuồn chuồn bay thì bão.

D. Cái răng cái tóc là vóc con người.

Câu 22. Các tri thức khoa học chỉ có giá trị khi được vận dụng vào thực tiễn. điều này thể hiện, thực tiễn là

A. cơ sở của nhận thức.

B. mục đích của nhận thức.

C. động lực của nhận thức.

D. tiêu chuẩn của chân lý.

Câu 23. Thực tiễn là động lực của nhận thức vì

A. luôn đặt ra yêu cầu mới.

B. luôn cải tạo hiện thực khách quan.

C. thường hoàn thiện những nhận thức chưa đầy đủ.

D. thường kiểm nghiệm tính đúng đắn hay sai lầm.

Câu 24. Những tri thức về Toán học đều bắt nguồn từ

A. thực tiễn.

- B.kinh nghiệm.
- C.thói quen.
- D.hành vi.

Câu 25. Câu nào dưới đây **không** nói về vai trò của thực tiễn đối với nhận thức?

- A. Học đi đôi với hành.
- B. Đi một ngày đàng, học một sàng khôn.
- C. Trăm hay không bằng tay quen.
- D. Dốt đến đâu học lâu cũng biết.

Câu 26. Con người là mục tiêu phát triển của xã hội nên con người cần được

- A. Bảo vệ.
- B. chăm sóc.
- C. tự do.
- D. hoàn thiện.

Câu 27. Hành động nào dưới đây **không** vì con người?

- A. Đốt rừng làm nương rẫy.
- B. Tiêu hủy gia cầm mắc bệnh.
- C. Bỏ rác đúng nơi quy định.
- D. Tham gia giao thông đi đúng phần đường quy định.

Câu 28. Hành động nào dưới đây **không** góp phần vào sự tiến bộ và phát triển của đất nước?

- A. Chi thích tiêu dùng hàng ngoại.
- B. Tham gia bảo vệ môi trường.
- C. Bỏ rác đúng nơi quy định.
- D. Học tập để trở thành người lao động mới.

II. TỰ LUẬN: 3 điểm

Câu 1. (2 điểm) “Suy cho cùng, mọi sự hiểu biết của con người đều trực tiếp nảy sinh từ thực tiễn. Nhờ có sự tiếp xúc, tác động vào sự vật, hiện tượng mà con người phát hiện ra các thuộc tính, hiểu được bản chất, quy luật của chúng.” (SGK GDCC 10, Tr.41).

Nhận định trên đề cập đến vai trò nào của thực tiễn? Hãy lấy 2 ví dụ để chứng minh. Qua đó, em hãy rút ra bài học cho bản thân.

Câu 2. (1,0 điểm): Em hãy phân tích các yếu tố duy vật, duy tâm về thế giới quan trong quan niệm: “*Sống chết có mệnh, giàu sang do trời*”.